

Số: 405/TB-KT, HT&ĐT

Mường Lay, ngày 22 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc thẩm định dự toán thu, chi NS Phường Mường Lay năm 2026

Kính gửi:.....

Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Trên cơ sở rà soát, tính toán các chế độ về tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2026 giữa phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường và các đơn vị dự toán. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thông báo số thẩm định dự toán thu, chi ngân sách phường năm 2026 của các cơ quan đơn vị như sau:

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

Nhận được văn bản này, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đề nghị các cơ quan, đơn vị dự toán theo chức năng, nhiệm vụ lập phương án tài chính năm 2026 thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND phường (B/c);
- Các đơn vị dự toán thuộc phường (24 đơn vị);
- Lãnh đạo phòng KT, HT&ĐT;
- Lưu: VT, Bộ phận TC.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Hữu Hanh



BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường MN số 1 Sã Tổng phường Mường Lay

(Kèm theo Thông báo số 403/TB-KT, TT & DT ngày 22/12/2025 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường)

ĐVT: Đồng

STT		Số tháng	Hệ số lương	Mức lương cơ bản	Dự toán năm 2026	
					Số kiểm tra	Số Thảo luận
	Tổng số				9.295.746.130	8.645.000.000
I	Kinh phí thực hiện tự chủ				7.511.443.930	7.091.000.000
1	Lương và các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp (giao 30 biên chế)				6.322.161.217	6.320.000.000
-	Lương chính	12	91,8	2.340.000	2.577.744.000	2.577.000.000
-	Các khoản phụ cấp				3.120.785.928	3.120.000.000
	Phụ cấp chức vụ	12	2,1	2.340.000	58.968.000	
	Phụ cấp TNVK	12		2.340.000	-	
	Phụ cấp khu vực	12	15	2.340.000	421.200.000	
	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	12	9,3981	2.340.000	263.898.648	
	Phụ cấp ưu đãi 70%	12	62,797	2.340.000	1.763.339.760	
	Phụ cấp thu hút	12	4,844	2.340.000	136.019.520	
	Phụ cấp công tác lâu năm	12	16,9	2.340.000	474.552.000	
	Phụ cấp đoàn đội, PC kế toán	12	0,1	2.340.000	2.808.000	
	PC trách nhiệm	12		2.340.000	-	
-	Các khoản đóng góp				623.631.289	623.000.000
	BHXXH 17,5%; BHYT 3%; BHTN 1%	12			623.631.289	
2	Chi thường xuyên 11%				781.390.712	664.000.000
	Tiết kiệm chi lương 10%				78.139.071	
	Tiết kiệm thêm 5% chi hoạt động khen thưởng				39.069.536	
3	Các khoản chi thường xuyên khác				107.892.000	107.000.000
	Lương hợp đồng 02 người	12	2	4.495.500	107.892.000	107.000.000
	Mua sắm, sửa chữa bổ sung thiết bị				300.000.000	
II	Kinh phí không thực hiện tự chủ				1.784.302.200	1.554.000.000
1	Tiền thưởng theo ND 73				248.227.200	248.000.000
2	Chế độ chính sách cho GV và HS				1.536.075.000	1.306.000.000
	Hỗ trợ ăn trưa theo ND 277				331.200.000	271.000.000
	Hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép				101.250.000	101.000.000
	Hỗ trợ chi phí học tập				506.250.000	486.000.000
	Cấp bù học phí				84.375.000	85.000.000
	Hỗ trợ nấu ăn				108.000.000	108.000.000
	Chế độ bán trú ND 66/2025				405.000.000	255.000.000
	Hỗ trợ HS khuyết tật					
	Hỗ trợ giáo viên dạy học sinh khuyết tật					
	Tiền mua sắm thiết bị					